

Bản án số: 71/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 16-9-2019
V/v xin ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC - TỈNH BẾN TRE
- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lăng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vi Quốc Thanh
2. Ông Huỳnh Văn Nhi

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Chấm – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 260/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Lê Thị Hồng X, sinh năm 1983 (Xin vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Ấp TN, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Chỗ ở hiện nay: Ấp PL, xã HB, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Dương Thanh Q, sinh năm 1981 (Xin vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp TN, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện cũng như quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Hồng X trình bày: Chị và anh Dương Thanh Q do mai mối, tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn năm 2006 tại Ủy ban nhân xã Hưng Khánh Trung, huyện Chợ Lách. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cùng gia đình anh Q tại ấp Tân Nhon, xã Hưng Khánh Trung A, huyện Mỏ Cày Bắc. Thời gian đầu anh chị

sống hạnh phúc nhưng sau đó giữa chị và gia đình anh Q xảy ra nhiều mâu thuẫn. Do không thể chung sống hòa hợp với nhà chồng nên từ tháng 7/2017 (âm lịch) chị X về nhà mẹ ruột của chị sinh sống và ly thân với anh Q. Vì vợ chồng sống xa nhau đã lâu, chị X không còn tình cảm với anh Q nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Dương Thị Huyền T, sinh ngày 19/7/2007, hiện do chị X trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị X yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Trước đây chị X yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, chị X rút lại yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: chị X xác định chị và anh Q không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/8/2019, bị đơn anh Dương Thanh Q trình bày: anh và chị Lê Thị Hồng X do quen biết tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn năm 2006 tại Ủy ban nhân dân xã Hưng Khánh Trung. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung với gia đình anh tại ấp Tân Nhơn, xã Hưng Khánh Trung A, huyện Mỏ Cày Bắc. Giữa anh Q và chị X không có mâu thuẫn lớn, tuy nhiên chị X và gia đình anh không thể sống hòa hợp, nhiều lần xảy ra mâu thuẫn nên từ giữa tháng 7 năm 2017 (âm lịch) chị X về nhà mẹ ruột sống. Anh Q nhiều lần khuyên chị X quay về để vợ chồng cùng nhau phát triển kinh tế, chăm lo cho con nhưng chị X không đồng ý. Anh chị sống ly thân đã lâu, nay tình cảm của chị X đối với anh không còn và chị X yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Dương Thị Huyền T, sinh ngày 19/7/2007, hiện do chị X trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh đồng ý để chị X trực tiếp nuôi con, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Q xác định anh và chị X không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phát biểu quan điểm:

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, thấy rằng mục đích hôn nhân của chị X và anh Q không đạt được, anh chị không cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc mà sống ly thân đã lâu, chị X xác định tình cảm của chị đối với anh Q không còn, anh Q đồng ý ly hôn nên căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 217, 218, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị X và anh Q. Về nuôi con chung, chị X và anh Q có 01 con chung là cháu Dương Thị Huyền T, sinh ngày 19/7/2007 hiện do chị X trực tiếp nuôi dưỡng, để đảm bảo sự phát triển bình thường của cháu X về mặt tinh thần và thể chất, đề

ngợi Tòa án cho chị X được tiếp tục nuôi con, anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con do chị X đã rút yêu cầu. Không giải quyết về tài sản chung và nợ chung của chị X và anh Q trong cùng vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc: “*ly hôn*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

Nguyên đơn và bị đơn đều có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt nên căn cứ theo Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Hồng X đối với anh Dương Thanh Q, thấy rằng:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị Hồng X và anh Dương Thanh Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, không vi phạm các điều kiện kết hôn nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị X và anh Q đều nhìn nhận nguyên nhân mất hạnh phúc phần lớn xuất phát từ mâu thuẫn giữa chị X và gia đình chồng, anh chị đã ly thân từ khi chị X về nhà mẹ ruột sinh sống vào tháng 7/2017 (âm lịch). Thấy rằng anh Q và chị X đã không cùng nhau chung sống, xây dựng gia đình nên mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được. Chị X xác định không còn tình cảm với anh Q và anh Q cũng đồng ý yêu cầu ly hôn của chị X nên căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, công nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị.

Về nuôi con chung: Anh Q và chị X có 01 con chung tên Dương Thị Huyền T, sinh ngày 19/7/2007, hiện do chị X trực tiếp nuôi dưỡng. Nay ly hôn, chị X và anh Q đều thống nhất chị X sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu T. Do đó, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt và nguyện vọng được sống cùng mẹ của cháu T nên để chị X tiếp tục nuôi cháu T là phù hợp nhằm đảm bảo sự phát triển ổn định về thể chất, tinh thần cũng như tâm sinh lý của cháu. Quá trình giải quyết vụ án chị X rút lại yêu cầu buộc anh Q cấp dưỡng nuôi con nên cần đình chỉ.

Về tài sản chung và về nợ chung: Chị X và anh Q đều xác định giữa anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung và cũng không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không giải quyết trong cùng vụ án.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được chấp nhận toàn bộ.

[4] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị Hồng X phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều 217, 218, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội.

[1] Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Hồng X và anh Dương Thanh Q.

[2] Về nuôi con chung: Chị Lê Thị Hồng X được quyền trực tiếp nuôi con tên Dương Thị Huyền T, sinh ngày 19/7/2007, anh Dương Thanh Q không phải cấp dưỡng nuôi con do chị X đã rút yêu cầu.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Hồng X về việc yêu cầu Tòa án buộc anh Dương Thanh Q cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3] Về tài sản chung và về nợ chung: Chị Lê Thị Hồng X và anh Dương Thanh Q khai không có và không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không giải quyết trong cùng vụ án.

[4] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng chị Lê Thị Hồng X phải chịu nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0005340 ngày 12/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

[5] Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày tòa án tổng đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

[6] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Mô Cày Bắc;
- Chi cục THADS huyện Mô Cày Bắc;
- UBND xã Hưng Khánh Trung B, huyện
Chợ Lách, tỉnh Bến Tre (Số 50; Ngày 26/5/2006);
- Dương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Lăng